

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày 19/11/2020

“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Chiến**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc**

2. Ông **Nguyễn Văn Giang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trịnh Đức Tâm** là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bá Thị D**, sinh năm 1969.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm 1, thôn 4C, xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Đào Văn Ch**, sinh năm: 1971.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú – Địa chỉ: Khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Đỗ Văn C**, sinh năm 1967 và chị **Lê Thị H**, sinh năm 1964.

Đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ: Đội 1, thôn Nghĩa Giang, xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Đều vắng mặt tại phiên tòa không lý do (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2018, tại biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bá Thị D trình bày: Năm 1996, chị và anh Đào Văn Ch chung sống và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Toàn Thắng, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên). Việc chung sống và đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, chị và anh Ch sinh sống ở Hưng Yên được 02 năm. Sau khi sinh cháu Đào Ngọc Huỳnh vào năm 1997, năm 1998 vợ chồng chị chuyển ra thành phố Móng Cái sinh sống làm ăn. Thời gian đầu cuộc sống chung vợ chồng tại Móng Cái diễn ra bình thường, chị và anh Ch có thêm con chung là Đào Huỳnh Phát. Tuy nhiên thời gian về sau, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Ch thường xuyên đánh chửi chị. Cuối năm 2018, do việc đánh chị thô bạo, anh Ch đã bị Tòa án xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Mặc dù hiện nay anh Ch đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chị thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vì vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Văn Ch.

Bị đơn anh Đào Văn Ch trong quá trình giải quyết vụ án (khi đang phải chấp hành án) và tại phiên tòa có quan điểm về nội dung chị Bá Thị D trình bày về việc chung sống, đăng ký kết hôn và việc anh phải chấp hành án phạt tù về hành vi cố ý gây thương tích đối với chị D là đúng, đồng thời anh Ch chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[2]. Về con chung:

Theo nội dung trình bày của Nguyên đơn chị Bá Thị D: Chị và anh Đào Văn Ch có 02 (hai) con chung là Đào Ngọc Huỳnh, sinh ngày 16/7/1997 và Đào Huỳnh Phát, sinh ngày 16/01/2005. Con chung Đào Ngọc Huỳnh đã thành niên, chị không có yêu cầu gì. Đối với con chung Đào Huỳnh Phát, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phát đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, chị không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn anh Đào Văn Ch có quan điểm về nội dung chị Bá Thị D trình bày về con chung là đúng, đồng thời anh Ch chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị D.

[3]. Về tài sản chung:

Tại Đơn khởi kiện của chị Bá Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung vợ chồng. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, chị D yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng theo nội Đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng ngày 26/12/2018 và Biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản hòa giải ngày 28/12/2018 và Biên bản thỏa thuận về việc tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, các đương sự đều thống nhất về tài sản chung vợ chồng, cách phân chia và yêu cầu Tòa án ghi nhận việc phân chia tài sản chung vợ chồng, cụ thể:

- Tài sản chung vợ chồng gồm: 1. Quyền sử dụng thửa đất diện tích 129,6m² tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 851542, mang tên ông Đào Văn Chín, cấp ngày 02/10/2006 và 01 ngôi nhà cấp bốn cùng các tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng đất; 2. Quyền sử dụng thửa đất diện tích 183m², thửa đất số 3, tờ bản đồ địa chính số 16 tại thôn Nghĩa Giang, xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- Nội dung phân chia tài sản chung: Chị Bá Thị Dung được quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái. Anh Đào Văn Chín được quyền sử dụng thửa đất tại thôn Nghĩa Giang, xã Toàn Thắng, huyện Kim Động. Tuy nhiên nội dung về việc giao quyền sử dụng đất cho anh Chín không đề nghị Tòa án ghi nhận, mà các đương sự thống nhất như nội dung tại Biên bản thỏa thuận về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân lập ngày 28/12/2018.

Ngày 08/01/2019, chị Dung có Đơn đề nghị Tòa án hủy kết quả hòa giải về chia tài sản chung vợ chồng, với lý do con riêng của anh Đào Văn Chín là chị Đào Thị Ngọc Huyền không đồng ý với nội dung thỏa thuận của chị Dung và anh Chín.

Ngày 29/5/2019, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của Nguyên đơn chị Bá Thị Dung về việc yêu cầu phân chia tài sản chung gồm: quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cùng các tài sản gắn liền với đất, tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 851542, mang tên ông Đào Văn Chín, cấp ngày 02/10/2006; Quyền sử dụng thửa đất diện tích 183m², thửa đất số 3, tờ bản đồ địa chính số 16 tại thôn Nghĩa Giang, xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 05/9/2019, Tòa án tiếp tục thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của Nguyên đơn chị Bá Thị Dung về việc yêu cầu phân chia tài sản chung là: Quyền sử dụng 1656,4m² đất trồng lúa nước, thửa số 67, tờ bản đồ số 3 và Quyền sử dụng 119,6m² đất trồng lúa nước, thửa đất số 414, tờ bản đồ số 1, đều tại thôn Nghĩa Giang, xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên và đã được cấp Giấy chứng nhận chung cho hai thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 566609 do UBND huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 30/6/2015.

Ngày 21/9/2020, Nguyên đơn chị Bá Thị Dung rút toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng. Bị đơn anh Đào Văn Chín không có yêu cầu về việc phân chia tài sản chung vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng của Nguyên đơn chị Bá Thị Dung, Tòa án đã xác định anh Đỗ Văn Chung và chị Lê Thị Hải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, sau khi Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Kim Động lấy lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Chung và chị Hải không hợp tác, không cho Tòa án Kim Động lấy lời khai, và cũng không có ý kiến gì đối với việc liên quan đến tài sản chung của vợ chồng chị Bá Thị Dung và anh Đào Văn Chín.

[4]. Về các khoản nợ: Các đương sự trình bày không có.

[5]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã vi phạm thời hạn trong việc giao Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, tuy nhiên đã có Văn bản rút kinh nghiệm sau khi có Kiến nghị của Viện kiểm sát. Nguyên đơn đã chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn, mặc dù phải chấp hành án trong thời gian Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nhưng đã chấp hành theo đúng quy định các hoạt động tố tụng khi Tòa án tiến hành và sau khi chấp hành xong hình phạt tù đã có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bá Thị Dung đối với anh Đào Văn Chín. Về con chung: Giao con chung là Đào Huỳnh Phát cho chị Dung nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh Đào Văn Chín không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, đình chỉ yêu cầu về phân chia tài sản chung vợ chồng của Nguyên đơn chị Bá Thị Dung. Về nợ chung vợ chồng: Các đương sự trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Bá Thị Dung đối với Bị đơn anh Đào Văn Chín là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh Chín đang bị tạm giam, tuy nhiên trước khi tạm giam anh Chín đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại thành phố Móng Cái, tại phiên tòa sơ thẩm sau khi chấp hành án xong, anh Chín đã có mặt, do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Về quyền khởi kiện: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, chị Bá Thị Dung có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đào Văn Chín.

Trong quá trình giải quyết vụ án, liên quan đến yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng của chị Bá Thị Dung, Tòa án đã tiến hành triệu tập, ủy thác lấy lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn Chung và chị Lê Thị Hải, tuy nhiên những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không hợp tác, không đồng ý để lấy lời khai cũng như không có quan điểm về quyền và nghĩa vụ liên quan đến yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng của chị Dung. Mặc dù trước khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Nguyên đơn chị Bá Thị Dung rút toàn bộ yêu cầu về việc phân chia tài sản, tuy nhiên do không

có ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án vẫn triệu tập anh Đỗ Văn Chung và chị Lê Thị Hải tham gia phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa lần 1 không có lý do, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bá Thị Dung và anh Đào Văn Chín chung sống và đăng ký kết hôn năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bạo lực gia đình. Đỉnh điểm của mâu thuẫn vợ chồng chị Dung và anh Chín là việc anh Chín bị truy tố, xét xử về hành vi đánh chị Dung vào năm 2018 và bị xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 136/2018/HSST, ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái. Như vậy, có căn cứ xác định anh Chín có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Bị đơn anh Đào Văn Chín có nội dung trình bày đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Bá Thị Dung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bá Thị Dung đối với anh Đào Văn Chín.

2.2. Về con chung: Chị Dung và anh Chín có 02 (hai) con chung là là Đào Ngọc Huỳnh, sinh ngày 16/7/1997 và Đào Huỳnh Phát, sinh ngày 16/01/2005. Xét yêu cầu của chị Dung về việc được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Đào Huỳnh Phát, anh Chín có nội dung trình bày đồng ý với yêu cầu nuôi con của chị Dung và nguyện vọng của con chung Đào Huỳnh Phát muốn được ở với chị Dung, do đó Hội đồng xét xử việc việc giao con chung Đào Huỳnh Phát cho chị Bá Thị Dung nuôi dưỡng sẽ đảm bảo việc chăm lo học tập, giáo dục con chung phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị Dung không yêu cầu anh Chín phải cấp dưỡng nuôi con, do đó anh Chín không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Sau khi thụ lý vụ án, Nguyên đơn chị Bá Thị Dung có yêu cầu về phân chia tài sản chung vợ chồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị Dung đã rút toàn bộ yêu cầu về phân chia tài sản chung, bị đơn anh Đào Văn Chín không có yêu cầu về việc phân chia tài sản, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung liên quan đến yêu cầu phân chia tài sản chung của chị Dung, do đó căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng của Nguyên đơn chị Bá Thị Dung. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng về quyền khởi kiện và tiền tạm ứng án phí được quyết định theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.4. Về nợ chung vợ chồng: Các đương sự trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Bá Thị Dung phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1, 3 Điều 218; khoản 2 Điều 219; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bá Thị Dung về các nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bá Thị Dung được ly hôn anh Đào Văn Chín.

- Về con chung: Giao con chung là Đào Huỳnh Phát, sinh ngày 16/01/2005 cho chị Bá Thị Dung trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đào Văn Chín có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được phép cản trở anh Chín thực hiện quyền này. Anh Đào Văn Chín không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Bá Thị Dung.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu về việc phân chia tài sản chung vợ chồng của Nguyên đơn chị Bá Thị Dung.

Chị Bá Thị Dung có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng.

Trả lại cho chị Bá Thị Dung 5.098.000đ (năm triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001653, ngày 29/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Trả lại cho chị Bá Thị Dung 2.708.400đ (hai triệu bảy trăm linh tám nghìn bốn trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001707, ngày 04/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về án phí: Chị Bá Thị Dung phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0001496 ngày 26/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Chị Bá Thị Dung đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bá Thị Dung, anh Đào Văn Chín có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn Chung và chị Lê Thị Hải có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan THADS cùng cấp;
- Tòa án tỉnh QN;
- UBND xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Minh Chiến